

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2019/HC-PT**

Ngày: 21-3-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý
đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Xuân Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 230/2018/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2018 về: “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 2 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Người khởi kiện: Ông A, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho ông A:

- Bà B, sinh năm 1995; Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ đại diện tư vấn Hậu Công Lý; Địa chỉ: 276 Nguyễn Nghiêm, thị trấn Đức Phổ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2018) (có mặt).

2/ Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đức Phổ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Đ1: ông C – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Đ1 (văn bản ủy quyền số 4372/QĐ- UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ1) (có mặt) .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện Đ1: ông D – Chức vụ: Trưởng phòng Tư pháp huyện Đ1 (văn bản số 1165/UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ1) (có mặt) .

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ: Thôn Tân Tự, xã P, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Đ (có mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông L; sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2018, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung vào các ngày 11/2/2018, 05/3/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện cho người khởi kiện, ông Nguyễn Chí Hoàng trình bày:

Năm 1975 gia đình ông A đã khai hoang một thửa đất với diện tích hơn 5000 m² tại khu vực NV để trồng hoa màu. Nguyên thửa đất này là vùng căn cứ quân sự của Mỹ chiếm đóng, đất bạc màu, sau những năm chiến tranh thiếu thốn lương thực, thực phẩm nên bà con đã khai hoang trồng cây lương thực và chăn nuôi, sau đó, mới trồng thêm các loại cây bạch đàn để tăng thêm thu nhập. Trong thời gian quản lý, sử dụng đất từ năm 1975 đến nay gia đình ông A sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp với ai nên phần đất 5006 m² trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông.

Đến nay, Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Trạm dừng nghỉ và bến xe NQ tại xã P, huyện Đ1, nhưng UBND xã P cho rằng diện tích đất này là của UBND xã P quản lý, sau này lại thông báo bằng miệng là đất của Bộ Quốc phòng quản lý. Trình tự thủ tục Nhà nước thu hồi đất không đúng quy định, không áp giá bồi thường mà chỉ thông báo bằng miệng cho gia đình ông A là vi phạm nghiêm trọng các quy định hiện hành của Nhà nước. Hành vi thu hồi đất của UBND xã P là trái với quy định của Luật Đất đai 2013, Quyết định 13/2005/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 và Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Quá trình giải quyết, ban hành các Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 và Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của Chủ tịch UBND xã

P là chưa đầy đủ, chưa thỏa đáng. Vì, Chủ tịch UBND xã P chưa làm rõ việc kiểm kê, áp giá bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với toàn bộ diện tích 5006 m² mà gia đình ông A khiếu nại; gia đình ông chưa nhận được văn bản xác định diện tích đất nằm trong dự án nào? Diện tích đất của Bộ Quốc phòng là bao nhiêu? Áp giá bồi thường là bao nhiêu... là vi phạm quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Quá trình giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND huyện Đ1, sau đó ban hành Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1 cũng chưa giải quyết được các yêu cầu mà tôi đề nghị.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết những yêu cầu sau:

Đối với phần diện tích đất nằm ngoài quy hoạch của đất Quốc phòng (1.106 m²) tại khu vực NV (ND), ông A đã quản lý, sử dụng xuyên suốt từ năm 1975 đến nay, nên ông A là đối tượng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

Về tranh chấp phần diện tích đất nằm ngoài quy hoạch của đất Quốc phòng (1.106 m²) với ông L đang được Tòa án nhân dân huyện Đ1 xem xét giải quyết, nên không ông A không có yêu cầu giải quyết tại đây.

Đối với phần diện tích đất nằm trong quy hoạch đất Quốc phòng (3.900 m²) tại khu vực NV (ND), nếu thực tế diện tích đất này do Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng thì ông A sẽ góp vốn quyền sử dụng đất để xây dựng Trạm dừng nghỉ và bến xe NQ (Nếu việc bồi thường không thỏa đáng).

Đề nghị hủy toàn bộ các Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của Ông A, Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P và Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông A.

Ý kiến của Chủ tịch UBND xã P:

Về trình tự, thủ tục: Sau khi ban hành Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông A, trong quá trình ban hành có những thiếu sót so với luật định. Do đó, Chủ tịch UBND xã P đã ban hành các Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 và Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 để sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017. Các Quyết định trên được ban hành đều đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông A cho rằng UBND xã P không xác nhận đúng nguồn gốc đất của gia đình ông đã khai hoang, sử dụng từ sau năm 1975 với diện tích hơn 5000 m² tại trạm dừng nghỉ bến xe NQ là thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và UBND xã P chỉ thông báo bằng miệng hỗ trợ cho gia đình

ông với giá bồi thường là 10.000 đồng/m² là không đúng quy định của pháp luật thì UBND xã P có ý kiến như sau:

Đối với diện tích đất 1.106 m² nằm ngoài diện tích đất quy hoạch của Bộ Quốc phòng, diện tích đất này đang phát sinh tranh chấp giữa ông A và ông L đã được UBND xã P tổ chức hòa giải, nhưng không thành. Hiện nay vụ án đang được Tòa án nhân dân huyện Đ1 thụ lý, giải quyết. Đối với diện tích đất 3.900 m², tại thời điểm phát sinh khiếu nại của ông A phần diện tích này nằm trong phần đất quy hoạch của Bộ quốc phòng với tổng diện tích 37.000 m² theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước và Công văn số 1267/BTL-TC của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 về việc ý kiến thỏa thuận địa điểm đầu tư Trạm dừng nghỉ và bến xe NQ. Ông A cho rằng phần đất trên thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông, nhưng thực tế đây là phần đất của Bộ Quốc phòng, do đó, UBND xã P không có thẩm quyền để xem xét, giải quyết xác nhận cho gia đình ông.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận nội dung khiếu kiện hủy các Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông A, Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P của ông A. Giữ nguyên các Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông A, Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P.

Ý kiến của Chủ tịch UBND huyện Đ1:

Về trình tự, thủ tục: Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông A được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Diện tích đất ông A khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích khoảng 5.006 m². Theo bản đồ 299, bản đồ chỉnh lý năm 1999, tờ bản đồ số 8 thì trên diện tích này không thể hiện số thửa, đất loại gì, cá nhân hay tổ chức nào quản lý, sử dụng. Bản đồ địa chính và sổ mục kê lập năm 2006 thì diện tích đất này nằm trên các thửa 132, 133, 178, 323. Theo sơ đồ địa chính khu đất dự án Xây dựng trạm dừng nghỉ và bến xe NQ thì thửa đất 133 là một phần thửa 132 diện tích 1.106 m². Các thửa 132, 133 thuộc loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK) và theo Sổ mục kê năm 2006 thể hiện là đất do UBND xã quản lý (UBS).

Đối với diện tích 1.106 m² nằm ngoài diện tích đất quy hoạch quốc phòng. Hiện nay, diện tích đất này đang phát sinh tranh chấp với ông L. UBND xã P đã tiến hành

hòa giải, nhưng không thành. Vụ án đang được Tòa án nhân dân huyện Đ1 thụ lý, giải quyết. Các cơ quan chức năng đang tiến hành kiểm kê, đo đạc, lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình UBND huyện phê duyệt đối với diện tích này; số tiền bồi thường, hỗ trợ sẽ được gửi vào Kho Bạc Nhà nước, khi nào có kết quả giải quyết của Tòa án thì sẽ chi trả cho người thụ hưởng theo quy định của pháp luật.

Đối với diện tích khoảng 3.900 m², thời điểm phát sinh khiếu nại của ông A, toàn bộ diện tích này nằm trong phần đất quy hoạch của Quốc phòng với tổng diện tích là 37.000 m² theo Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước. Ông A cho rằng ông quản lý, sử dụng diện tích đất này trên 30 năm, thời điểm quy hoạch theo Quyết định 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 chỉ bắt đầu từ năm 2011 nên việc quy hoạch đất quốc phòng là quy hoạch là quy hoạch trên phần đất do ông quản lý, sử dụng. Điều này là không có cơ sở, vì theo Công văn số 341/BTL-VP của Bộ tư lệnh Quân khu 5 thì từ năm 1975 đến nay đất này nằm trong quy hoạch Quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy, diện tích đất này đã được quy hoạch đất quốc phòng từ trước. Ông A cũng không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh quá trình sử dụng đất của ông.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận nội dung khiếu kiện hủy Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1 của ông A. Giữ nguyên Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông A.

Ý kiến của ông L:

Năm 1986, tôi có khai hoang một thửa đất tại khu vực NV thuộc thôn T, xã P, huyện Đ1 với diện tích là 1.006 m². Thửa đất này từ năm 1975 đến nay do UBND xã P quản lý, sử dụng. Sau đó, gia đình tôi khai hoang trồng các loại cây như mì, khoai lang, bạch đàn. Năm 1990, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên tôi bán số cây bạch đàn cho ông A, còn đất do tôi khai hoang nên tôi không bán cho ông A. Nay, ông A đứng tên kê khai thửa đất mà gia đình tôi khai hoang từ năm 1986 để hưởng tiền đền bù của dự án là không đúng, vì tôi chỉ bán cây cối, hoa màu cho ông A chứ không bán đất. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông D-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND huyện Đ1: Chủ tịch UBND huyện Đ1 ban hành Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu hủy Quyết định số 5357/QĐ- UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1.

Với nội dung trên, tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 13/2018/HC-ST ngày

06/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật khiếu nại năm 2011; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu hủy các Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông A (lần một), Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P và Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 18/8/2018, ông A kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do không đưa Bộ tư lệnh quân khu 5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện cho ông A xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới là Văn bản số 291/TTQP ngày 26/11/2018 của Thanh tra Quốc phòng Bộ Tư lệnh Quân khu V thống nhất lại kháng cáo là yêu cầu sửa án sơ thẩm hủy các Quyết định của Chủ tịch UBND xã P và Chủ tịch UBND huyện Đ1.

Người bị kiện, Chủ tịch UBND xã P - ông Đ vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, tuy nhiên đề nghị được rút lại một phần trong quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017, cụ thể là ở tiểu mục 4 mục II và một phần quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017, cụ thể là ở đoạn thứ 4 Điều 1; Người bị kiện đại diện Chủ tịch UBND huyện Đ1 - ông C đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông A, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi cho Ủy ban nhân dân huyện Đ1 - ông D trình bày thống nhất với ông C, vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, bác đơn khởi kiện của ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Người bị kiện - ông Đ, Chủ tịch UBND xã P rút một phần nội dung các Quyết định bị khởi kiện, sửa một phần án sơ thẩm, hủy một phần các quyết định của Chủ tịch UBND xã P và Chủ tịch UBND huyện Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông L vắng mặt không rõ lý do, xét thấy đây là phiên tòa được mở lần thứ ba, theo quy định tại Điều 225 luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất ông A sử dụng:

Năm 1975 ông A có khai phá 5.006 m² đất thuộc căn cứ quân sự của Mỹ để lại tại chân NV (nay là thôn Tân Tự, xã P, huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi) vào mục đích nông nghiệp như trồng khoai sắn, nhưng từ đó đến nay ông A không kê khai đăng ký và nộp thuế theo quy định.

Theo bản đồ Chi thị 299/CP ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ, bản đồ chỉnh lý năm 1999, tờ bản đồ số 8 thì trên diện tích này không thể hiện số thửa, đất loại gì, cá nhân hay tổ chức nào quản lý, sử dụng.

Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê lập năm 2006 thì diện tích đất này nằm trên các thửa 132, 133, 178, 323.

Theo sơ đồ địa chính khu đất dự án Xây dựng trạm dừng nghỉ và bến xe NQ thì thửa đất 133 là một phần thửa 132 diện tích 1.106 m². Các thửa 132, 133 thuộc loại đất trồng cây lâu năm khác (LNK) và theo Sổ mục kê năm 2006 thể hiện là đất do UBND xã quản lý (UBS).

[2.2] Quá trình giải quyết khiếu nại và các căn cứ giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính tại địa phương :

Ngày 10/12/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2412/QĐ-TTg Quy hoạch 37.000m² đất Quốc phòng tại xã P, trong đó có 3.900m² /5009m² đất mà ông A đang sử dụng.

Ngày 22/01/2014 UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 314/UBND-CNXD cho phép Nhà đầu tư thuê đơn vị tư vấn đo đạc diện tích đất 48.109m² để thực hiện Dự án Trạm Dừng nghỉ và bến xe NQ.

Ngày 04/4/2014 UBND huyện Đ1 ban hành Thông báo số 112/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. Thực hiện thông báo, nhà đầu tư đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tiến hành kiểm kê cây cối, mỏ mã để lập phương án bồi thường cho các hộ dân. Riêng toàn bộ diện tích đất do UBND xã P quản lý nên không

kê khai bồi thường.

Ngày 25/4/2014 UBND xã P ban hành Thông báo số 33/TB-UBND về việc Thông báo công khai Thông báo thu hồi đất số 112/TB-UBND của UBND huyện Đ1.

Ngày 15/5/2015 Ban chỉ huy Quân sự huyện Đ1 ban hành Báo cáo số 525/BC-BCH về việc Công ty CP xây lắp và vật liệu xây dựng 2 (nhà đầu tư) thực hiện dự án trên đất có ảnh hưởng đến Khu vực mục tiêu quyết giữ điểm cao 150 –Núi Giàng Hạ, Đức Phổ.

Ngày 06/6/2015 ông A gửi đơn đến UBND xã P yêu cầu xác nhận nguồn gốc đất mà ông sử dụng từ năm 1975 đến nay. UBND xã P không xác nhận nguồn gốc đất mà ông đang sử dụng vì cho là đất Quốc phòng.

Ngày 03/6/2016 Bộ Tư lệnh Quân khu 5 ban hành công văn số 1267/BTL-TC thống nhất chủ trương giao 37.000m² đất Quốc Phòng để thực hiện dự án xây dựng Trạm Dừng nghỉ và bến xe NQ.

Ngày 14/3/2017 UBND xã P mời 15 hộ dân có đất bị ảnh hưởng bởi dự án hợp cùng với Trung tâm phát triển quỹ đất và Chủ đầu tư để làm việc về đơn khiếu nại của các hộ dân yêu cầu bồi thường, hỗ trợ về đất. UBND xã đã đề triển khai chủ trương của nhà nước về dự án và thông báo các văn bản cho các hộ dân về diện tích trong quy hoạch đất Quốc phòng và diện tích 9341 m² ngoài quy hoạch đất Quốc phòng do UBND xã quản lý, nhưng các hộ dân sử dụng từ 1975 đến nay thì được xem xét bồi thường hỗ trợ theo quy định.

Ngày 17/4/2017 ông A gửi đơn khiếu nại đến UBND xã P không thống nhất với việc UBND xã P xác nhận đất ông sử dụng là đất Quốc Phòng.

Ngày 19/4/2017 UBND xã ban hành Công văn số 72/UBND đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất triển khai bồi thường, hỗ trợ theo tinh thần biên bản cuộc họp ngày 14/3/2017. Trung tâm phát triển quỹ đất và Chủ đầu tư chi trả 10.000đ/m² cho 14/15 hộ dân, riêng ông A không thống nhất hỗ trợ mà yêu cầu bồi thường 1.106m² ngoài quy hoạch đất Quốc Phòng. Tuy nhiên hiện nay ông đang tranh chấp với ông L và Tòa án huyện Đ1 đang giải quyết, khi nào giải quyết xong UBND xã sẽ xác nhận nguồn gốc đất và đề nghị bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Ngày 19/4/2017 UBND xã P ban hành Thông báo số 50/TB-UBND trả lời đơn ông A với nội dung là căn cứ vào Quyết định 2412/QĐ-TTg ngày 10/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn 1267/BTL-TC ngày 03/6/2016 của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 thì trong 5.006m² đất của ông A đang sử dụng có 3.900m² đất nằm trong quy hoạch đất Quốc phòng.

Ngày 22/4/2017 ông A tiếp tục khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đất nằm trong quy hoạch đất Quốc phòng, khiếu nại UBND xã xác nhận nguồn gốc không đúng.

Ngày 09/6/2017 UBND xã P ban hành Thông báo số 74/TB-UBND thụ lý đơn khiếu nại của ông để giải quyết. Đồng thời ban hành Quyết định số 108/QĐ-UBND cùng ngày thành lập Tổ xác minh làm rõ nội dung khiếu nại.

Ngày 19/6/2017 Tổ xác minh ban hành Báo cáo số 01/BCXM đề nghị UBND xã không chấp nhận khiếu nại của ông A.

Ngày 06/7/2017 UBND xã P tổ chức buổi đối thoại giữa ông A với Chủ tịch UBND và đại diện các cơ quan ban ngành của xã. Kết quả đối thoại không thành do giữa hai bên chưa thống nhất. Ông A vẫn tiếp tục giữ quan điểm khiếu nại

Ngày 10/7/2017 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 131/QĐ-UBND với các nội dung: Diện tích 1.106m² hiện đang tranh chấp, khi nào có kết quả UBND xã sẽ xác nhận nguồn gốc đất cho người sử dụng đất; Diện tích 3.900m² nằm trong quy hoạch đất Quốc phòng nên UBND xã xác nhận đất Quốc phòng; Việc thông báo miệng hỗ trợ 10.000đ/m² ngoài đất Quốc phòng không do cán bộ UBND xã phát ngôn. Ông A tiếp tục khiếu nại.

Ngày 19/7/2017 Chủ tịch UBND xã P ban hành Quyết định số 136/QĐ-UBND sửa đổi bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của UBND xã P. Ông A không chấp nhận nên tiếp tục khiếu nại lên UBND huyện Đ1.

Ngày 14/12/2017 Chủ tịch UBND huyện Đ1 ban hành Quyết định số 5357/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận đơn khiếu nại của ông A.

[3] Xét kháng cáo của ông A yêu cầu hủy án sơ thẩm;

[3.1] Đối với yêu cầu đưa Bộ tư lệnh Quân khu 5 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. HĐXX xét thấy việc quy hoạch đất Quốc phòng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; việc bồi thường, hỗ trợ cho dân sử dụng đất quốc phòng thuộc thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 quản lý diện tích đất được quy hoạch và sử dụng vào mục đích công tác quốc phòng như Cao điểm 150 trên đỉnh Giang hoặc cao điểm 144 Núi Dang (núi Giàng Hạ) là đài quan sát thuộc công trình phòng thủ tuyến ven biển có diện tích 1.802m² không ảnh hưởng gì đến việc bồi thường, hỗ trợ cho ông A nên Bộ Tư lệnh Quân khu 5 không có quyền lợi, nghĩa vụ nào liên quan đến ông A, do vậy việc yêu cầu của ông A phải đưa Bộ Tư lệnh Quân khu 5 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có cơ sở chấp nhận, nên không thể hủy án sơ thẩm theo yêu cầu của ông A.

[3.2] Tại văn bản số 291/TTQP ngày 26/11/2018 của Thanh tra Quốc phòng Bộ Tư lệnh Quân khu V trả lời đơn của ông A đã giải trình rõ: “Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển Kinh tế - Xã hội. Trong đó quy định quản lý và sử dụng trong thời bình (trừ các khu vực đã bố trí công trình chiến đấu, công trình quốc

phòng..., những khu vực còn lại vẫn do các địa phương quản lý về đất đai và giao cho nhân dân sản xuất bình thường như trồng hoa màu, trồng rừng, chăn nuôi gia súc...nhưng không làm thay đổi biến dạng địa hình)”. Vì vậy, theo các văn bản của UBND xã P xác định đất ông A quản lý sử dụng từ năm 1975 đến nay, nếu không phải là đất đã giao cho các đơn vị quân đội quản lý, thì ông A vẫn phải được bồi thường khi Nhà nước thu hồi theo quy định của điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43 ngày 15/4/2014 và Điều 13 Nghị định 47 ngày 15/4/2014.

[3.3] Tại phiên tòa hôm nay Chủ tịch UBND xã P rút lại một phần của Quyết định giải quyết khiếu nại số 131/QĐ-UBND Ngày 10/7/2017 và Quyết định số 136/QĐ-UBND, ngày 19/7/2017 sửa đổi bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm hủy một phần các Quyết định trên và phần liên quan của Quyết định số 5357/QĐ-UBND, ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1, để Chủ tịch UBND xã P và Chủ tịch UBND huyện Đ1 ban hành lại các Quyết định giải quyết khiếu nại cho ông A.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Người kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và sơ thẩm. Chủ tịch UBND xã P và Chủ tịch UBND huyện Đ1 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 và khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông A, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A.
- Hủy phần tiểu mục 4 mục II Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P về việc giải quyết khiếu nại của ông A;
- Hủy phần ở đoạn thứ 4 Điều 1 Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND xã P;

- Hủy phần giải quyết khiếu nại có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại mà chủ tịch UBND xã P đã rút tại Quyết định số 5357/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ1.

- Đề nghị Chủ UBND xã P, huyện Đ1 và Chủ tịch UBND huyện Đ1, tỉnh Quảng Ngãi ban hành lại các Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

- Chủ tịch UBND xã P và Chủ tịch UBND huyện Đ1 mỗi người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (21/3/2019).

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường